TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Dân;
2. Bà Nguyễn Thị Đoan.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXX-ST ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị U, sinh năm 1979
- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1976

Cùng cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị U, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Vũ Thị U có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2022 giữa 02 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Vũ Thị Thu Th, sinh ngày 13/5/1998; Vũ Văn H, sinh ngày 30/11/2002. Hiện tại con chung đã trưởng thành, Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh Vũ Văn T trình bày:* Về quá trình, điều kiện kết hôn, như chị Vũ Thị U trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Nay Chị U có đơn xin ly hôn thì anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu Chị U kiên quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh và Chị U có 02 con chung là Vũ Thị Thu Th, sinh ngày 13/5/1998; Vũ Văn H, sinh ngày 30/11/2002. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh với ông Vũ Văn H trưởng thôn H, xã Q và ông Bùi Xuân L cán bộ tư pháp xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Vũ Thị U và anh Vũ Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 21/02/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng Chị U và anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống không hòa thuận. Cơ sở thôn và gia đình họ hàng đã để vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau đó vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Nay Chị U có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng Chị U, anh T có 02 con chung là Vũ Thị Thu Th, sinh ngày 13/5/1998; Vũ Văn H, sinh ngày 30/11/2002, hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Vũ Thị U và anh Vũ Văn T là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị

đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị U, anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị U, anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/02/1997 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đó đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị U đề nghị ly hôn nhưng anh T cũng nhất trí ly hôn. Điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị U, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị U, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị U và anh Vũ Văn T có 02 con chung là Vũ Thị Thu Th, sinh ngày 13/5/1998; Vũ Văn H, sinh ngày 30/11/2002. Ly hôn Chị U, anh T đều đề nghị con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị U, anh Vũ Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị U được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị U và anh Vũ Văn T có 02 con chung là Vũ Thị Thu Th, sinh ngày 13/5/1998; Vũ Văn H, sinh ngày 30/11/2002, hiện tại con chung đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị U phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Chị U đã nộp theo Biên lai thu số 0005818 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị U, anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh